

**A. MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

	<p><b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM</b>  <b>KHOA LUẬT DÂN SỰ</b>  <b>BỘ MÔN LUẬT TTDS - HNGĐ</b></p>
---	--

Check vào ô phù hợp

**NGHIÊN CỨU SO SÁNH PHÁP LUẬT THÔNG QUA NGHIÊN CỨU VỀ  
 THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

THA9308

Loại học phần: <input type="checkbox"/> 1. Khối kiến thức chung <input type="checkbox"/> 2. Khối kiến thức cơ sở bắt buộc <input type="checkbox"/> 3. Khối kiến thức cơ sở tự chọn <input type="checkbox"/> 4. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc <input type="checkbox"/> 5. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn	Số tín chỉ: 2 Số tiết học: 30 ▪ Lý thuyết: 30 ▪ Thảo luận/Thực hành:
Giảng dạy cho chương trình đào tạo:	TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH LUẬT DÂN SỰ - TỔ TỤNG DÂN SỰ
Học phần tiên quyết	Nghiên cứu so sánh pháp luật thông qua nghiên cứu về thi hành án dân sự. THA9308
Các yêu cầu khác:	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>Nắm được phương pháp nghiên cứu và vị trí của môn học.</p> <p>Nhận thức được tầm quan trọng và vị trí của môn học với việc bảo vệ quyền công dân tại cơ quan thi hành án dân sự.</p> <p>Nắm được quá trình phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự trong bối cảnh hội nhập quốc tế</p> <p>Định hướng phát triển về xu hướng phát triển pháp luật về thi hành án dân sự đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế</p> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <p>Hình thành kỹ năng thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ các nguồn khác nhau liên quan đến pháp luật về thi hành án dân sự</p> <p>Có kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá và so sánh pháp luật về xu hướng phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự</p> <p>Có khả năng vận dụng những tri thức đã được học vào việc đề xuất các giải pháp để nắm bắt xu hướng phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự.</p> <p>Nhận xét, đánh giá từ góc độ lý luận và thực tiễn về xu hướng phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự, đề xuất các giải pháp pháp</p>

	<p>lý đối với việc hoàn thiện pháp luật về thi hành án dân sự. hoàn thiện</p> <p><b>Thái độ:</b> Nhận thức đúng đắn, khách quan, toàn diện về xu hướng phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự Nâng cao trình độ nhận thức về xu hướng phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự và khả năng ứng dụng quy định này trong việc hành nghề luật Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện đối với pháp luật về thi hành án dân sự</p> <p><b>Các mục tiêu khác:</b> Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi Góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá Góp phần rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập</p>
--	--

### 1. Mô tả học phần

Pháp luật về thi hành án dân sự phản ánh nhu cầu điều chỉnh bằng pháp luật đối với việc pháp luật về thi hành các bản án, quyết định của Tòa án; quyết định của các tổ chức khác. Sự phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự đáp ứng nhu cầu khách quan của sự phát triển xã hội. Với việc làm sáng tỏ cơ sở lý luận, thực tiễn về pháp luật về thi hành án dân sự đặt trong sự so sánh đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế về việc trong giải quyết các tranh chấp dân sự gắn liền với việc đảm bảo thi hành các bản án, quyết định nêu trên là xu thế tất yếu và khách quan.

Pháp luật về thi hành án dân sự phải bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân, cơ quan, tổ chức với lợi ích Nhà nước và phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm quyền của các đương sự trong thi hành án dân sự phải được bảo hộ bởi các thiết chế hữu hiệu.

### 2. Mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật dân sự và Tố tụng dân sự của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có mục tiêu hướng đến đào tạo đội ngũ tiến sĩ luật có tri thức chuyên sâu, hàng đầu về những vấn đề pháp lý thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự, có phương pháp nghiên cứu khoa học tốt để có thể đóng góp xây dựng, hoàn thiện pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực pháp luật dân sự.

#### **Mục tiêu học phần:**

##### **Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành luật dân sự và tố tụng dân sự là nhằm đào tạo đội ngũ tiến sĩ luật:

- PO1.** Có tinh thần tôn trọng và bảo vệ pháp luật;
- PO2.** Có kiến thức chuyên môn toàn diện và chuyên sâu về pháp luật dân sự;
- PO3.** Có khả năng phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự;
- PO4.** Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, kỹ năng áp dụng pháp luật trong lĩnh vực pháp luật dân sự vào thực tiễn;

**PO5.** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý việc tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến pháp luật dân sự, có ý thức phục vụ cộng đồng;

**PO6.** Có khả năng nghiên cứu khoa học chuyên sâu và học tập suốt đời.

**Chuẩn đầu ra:**

<b>Sau khi hoàn thành NCS có thể<sup>1</sup>:</b>	
<b>Về Kiến thức</b>	
[CLO1]	Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của lĩnh vực pháp luật dân sự;
[CLO2]	Có kiến thức cốt lõi, nền tảng về pháp luật dân sự;
[CLO3]	Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới liên quan đến lĩnh vực pháp luật dân sự;
[CLO4]	Có kiến thức về quản trị tổ chức;
[CLO5]	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương từ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
<b>Về kỹ năng</b>	
[CLO6]	Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực pháp luật dân sự;
[CLO7]	Có kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn về pháp luật dân sự;
[CLO8]	Có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học trong lĩnh vực pháp luật dân sự và đưa ra những hướng xử lý hợp lý, hợp tình;
[CLO9]	Có kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển pháp luật dân sự;
[CLO10]	Có khả năng tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự và phổ biến các kết quả nghiên cứu.
<b>Về thái độ</b>	
[CLO11]	Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự;
[CLO12]	Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau;
[CLO13]	Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật dân sự;
[CLO14]	Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật dân sự;
[CLO15]	Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới trong lĩnh vực pháp luật dân sự.

#1

**Bảng 1. Ma trận tích hợp Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO<sup>2</sup>)**

<sup>1</sup> CLO-Course Learning Outcomes-CĐR của học phần. **Quy ước:** Số lượng CLO ấn định là 15 và rải đều trên 3 nhóm CĐR như PLO của Chương trình đào tạo cử nhân Luật.

<sup>2</sup> PLO-Program Learning Outcomes-CĐR của Chương trình đào tạo: chỉ cần ghi ký hiệu của CĐR theo danh mục CĐR của Chương trình đào tạo cử nhân Luật đã được ban hành.

[mặc dù rất hiếm khi xảy ra], Nếu có tình trạng 1 CLO đáp ứng nhiều PLO, các thầy cô tự động thêm dòng, điền nội dung CLO và điền thông tin.]

CĐR HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO 1	<i>I</i> <sup>3</sup>														
CLO 2															
CLO 3															
CLO 4															
CLO 5															
CLO 6															

### 3. Nội dung chi tiết học phần

Chuyên đề 1: Lịch sử phát triển của pháp luật về thi hành án dân sự

1. Lịch sử pháp luật về thi hành án dân sự từ 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009

2. Lịch sử pháp luật về thi hành án dân sự từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến nay

**Tài liệu tham khảo chính:**

#### A. Văn bản quy phạm pháp luật

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
3. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022.
4. Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.
5. Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.
6. Bộ luật Dân sự năm 1995, 2005, 2015.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
8. Luật Cảnh tranh năm 2004.
9. Luật Phá sản năm 2014.
10. Luật Khiếu nại năm 2011,
11. Luật Tố cáo năm 2011.
12. Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
13. Pháp lệnh Thi hành án dân sự 1989, 1993, 2004.
14. Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội về việc thi hành Luật Thi hành án dân sự.
15. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.
16. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.
17. Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính; biện pháp xử lý trách nhiệm đối với

<sup>3</sup> Cần nêu rõ mức độ của PLO mà CLO được phân công đáp ứng. **Quy ước** theo thang Blom

người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án hành chính.

18. Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 về bán đấu giá tài sản.
19. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới.
20. Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
21. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi Nghị định số 110/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
22. Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15/09/2005 quy định chi tiết một số điều của Luật cạnh tranh.
23. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.
24. Nghị định 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính; biện pháp xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án hành chính.
25. Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 về bán đấu giá tài sản.
26. Thông tư liên tịch số 265/2013/TTLT-BQO-BCA ngày 31/12/2013 quy định việc phối hợp bảo vệ cường chế thi hành án dân sự trong quân đội.
27. Thông tư liên tịch số 141/2010/TTLT/BQP-BTP ngày 19/10/2010 hướng dẫn việc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án.
28. Thông tư số 04/2009/TTLT-BTP-BTC ngày 15/10/2009 hướng dẫn bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án.

### **B. Tài liệu tham khảo**

29. Hoàng Thế Anh (2012), “Tiêu chí xác định việc thi hành án dân sự tồn đọng và phân loại”, *Dân chủ và pháp luật*, (6), tr.8-12.
30. Nguyễn Việt Anh (2010), “Giải quyết việc đương sự chiếm lại tài sản trong thi hành án như thế nào”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr. 57 – 59.
31. Nguyễn Việt Anh (2010), “Vấn đề yêu cầu thi hành án trở lại”, *Dân chủ và pháp luật*, (09), tr. 7 – 8.
32. Nguyễn Việt Anh (2010), “Về quyền ưu tiên mua tài sản của chủ sở hữu chung theo luật thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr. 6, 32.
33. Trần Ngọc Bản (2014), “Góp ý sửa đổi luật thi hành án dân sự năm 2008”, *Dân chủ và pháp luật*, (4), tr.10-14.
34. Đinh Duy Bằng (2010), “Công tác cán bộ thi hành án dân sự một số vấn đề từ thực tiễn”, *Dân chủ và pháp luật*, (09), tr. 2 – 4.

35. Đinh Duy Bằng (2014), “Sửa đổi Luật thi hành án dân sự phải xuất phát từ thực tiễn và xác định nội hàm quyền tư pháp của Tòa án”, *Nghiên cứu lập pháp*, (16), tr.32-35.
36. Đinh Huy Bằng (2012), “Những hạn chế khi tổ chức cơ quan thi hành án dân sự”, *Nghiên cứu lập pháp*, (5), tr 44-46.
37. Bùi Thái Bình (2010), “Bàn về chế định thẩm định giá trong thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr. 44 – 45.
38. Bùi Thái Bình (2012), “Trao đổi về bài “Có thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự?”, *Dân chủ và Pháp luật*, (12), tr.16-21.
39. Lê Thị Lệ Duyên (2013), “Kỹ năng giải quyết việc thi hành án dân sự phức tạp”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.4-11.
40. Trần Hoàng Đoán (2010), “Cần xử lý triệt để hành vi chiếm lại đất sau khi cưỡng chế thi hành án”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr.23-27.
41. Vũ Đức Hải (2014), “Luật thi hành án dân sự năm 2008 - một số hạn chế, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung”, *Nhà nước và pháp luật*, (6), tr.68-74.
42. Vũ Đức Hải (2014), “Một số ý kiến khi triển khai thực hiện Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ”, *Nhà nước và pháp luật*, (11), tr.65-70.
43. Vũ Đức Hải (2014), “Một số ý kiến trao đổi liên quan đến kê biên, xử lý tài sản là quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng”, *Nhà nước và pháp luật*, (3), tr.36-42.
44. Trần Đình Hảo (2003), "Về cải cách tư pháp và vấn đề thi hành án xét từ góc độ của luật kinh tế dân sự", *Dân chủ và pháp luật*, (7), tr.19-28.
45. Vũ Hòa (2012), “Một số bất cập trong việc định giá, định giá lại tài sản kê biên”, *Dân chủ và Pháp luật*, (12), tr.14-15.
46. Chu Thị Hoa (2014), “Thi hành án dân sự và nhu cầu xã hội hoá”, *Nhà nước và pháp luật*, (10), tr.50-58.
47. Trần Phương Hồng, Lại Anh Thắng (2014), “Một số ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2008”, *Dân chủ và pháp luật*, (3), tr.3-8.
48. Thanh Hương (2013), “Bàn về biện pháp phong tỏa tài sản trong công tác thi hành án dân sự hiện nay”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.23-26.
49. Thanh Hương (2014), “Một số ý kiến về xác minh điều kiện thi hành án”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.53-56.
50. Phạm Văn Hưng (2010), “Về nghĩa vụ của người được thi hành án trong trường hợp cơ quan thi hành án tiến hành áp dụng biện pháp cưỡng chế”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.46-47.
51. Trần Thế Hùng (2013), “Những bất cập sau 3 năm thực hiện Luật thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.2-3.
52. Trần Thế Hùng (2015), “Ra quyết định thi hành án sao cho phù hợp”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.55.
53. Duy Kiên (2014), “Công tác thi hành án dân sự sau một năm nhìn lại”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.50-52.

54. KhamTay Keopaseuth (2014), “Luật thi hành án dân sự tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào”, *Dân chủ và pháp luật*, (7), tr.53-57.
55. Lưu Trung Khánh (2010), “Bàn thêm về chương VIII Luật thi hành án dân sự năm 2008”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr.55-56.
56. Nguyễn Ngọc Kiện (2009), “Bàn về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự và những vướng mắc, bất cập khi thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự”, *Toà án nhân dân*, (19), tr.15-19.
57. Nguyễn Thị Khanh (2010), “Những vướng mắc từ thực tiễn thi hành Luật thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr.13-16.
58. Phạm Cao Khải (2010), “Vướng mắc trong việc thi hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự”, *Toà án nhân dân*, (08), tr.27-28.
59. Phạm Xuân Linh (2010), “Một số vấn đề về nhận đơn yêu cầu thi hành án”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr.2-5.
60. Nguyễn Văn Lực (2012), “Thực trạng việc thi hành án dân sự tồn đọng ở thành phố Hồ Chí Minh”, *Dân chủ và pháp luật*, (6), tr.13-18.
61. Tùng Lương (2013), “Trao đổi về đình chỉ thi hành án”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.27-32.
62. Đinh Thị Thanh Mai (2013), “Một số bất cập khi triển khai thực hiện việc thu phí thi hành án theo văn bản hiện hành”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.20-22.
63. Lê Thị Tuyết Minh (2012), “Một số giải pháp để giải quyết hiệu quả việc thi hành dân sự tồn đọng”, *Dân chủ và pháp luật*, (6), tr.29-32.
64. Lê Thị Ngời (2014), “Bàn về việc áp dụng biện pháp tự nguyện trong thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (02), tr.40-44.
65. Lê Thị Ngời (2015), “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (01), tr.52.
66. Lưu Bình Nhưõng (2014), “Vai trò của Toà án trong công tác thi hành án”, *Nghiên cứu lập pháp*, (17), tr.28-35.
67. Nguyễn Thị Nguyệt (2012), “Báo cáo thống kê thi hành án dân sự - Một số vấn đề từ thực tiễn”, *Dân chủ và Pháp luật*, (12), tr.10-13.
68. Phan Tấn Pháp (2010), “Bàn về xác minh thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (07), tr.53-56.
69. Phan Tấn Pháp (2010), “Về việc uỷ quyền thi hành án trong thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (08), tr.50-51.
70. Lạc Phong (2010), “Thẩm định giá tài sản để xử lý bảo đảm thi hành án một số vấn đề cần quan tâm”, *Dân chủ và pháp luật*, (09), tr.14-15.
71. Nguyễn Duy Phương (2014), “Kiến nghị hoàn thiện luật thi hành án dân sự”, *Nghiên cứu lập pháp*, (7), tr.25-28.
72. Bùi Văn Sơn (2010), “Trao đổi về ra quyết định thi hành án”, *Dân chủ và pháp luật*, (09), tr.5-6.

73. Lê Tuấn Sơn (2012), “Vai trò của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự trong giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng ở thành phố Hồ Chí Minh”, *Dân chủ và pháp luật*, (6), tr.19-22.
74. Trần Đại Sỹ (2015), “Thi hành án dân sự trong trường hợp người được thi hành là ngân hàng và các tổ chức tín dụng”, *Dân chủ và pháp luật*, (01), tr.25-30.
75. Nguyễn Ngọc Thành (2010), “Đình chỉ thi hành án hay trả đơn thi hành án theo Luật thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (03), tr.47.
76. Trần Phương Thảo (2007), “Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự”, *Luật học*, (07), tr.43;
77. Lại Anh Thắng, Nguyễn Quốc Toàn (2010), “Những bất cập từ thực tiễn thi hành Luật thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (10), tr.44-47.
78. Đỗ Văn Thịnh (2010), “Thống kê về giá trị và những vấn đề liên quan đến khoản lãi suất chậm thi hành án, khoản cấp dưỡng, khoản giao tài sản”, *Dân chủ và pháp luật*, (05), tr.13-16.
79. Phạm Hoài Thuận (2012), “Bàn về việc thi hành án dân sự tồn đọng qua thực tiễn ở miền Tây Nam Bộ”, *Dân chủ và pháp luật*, (6), tr.23-28.
80. Nguyễn Thanh Thủy (2001), “Hoàn thiện pháp luật thi hành án dân sự”, *Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội*.
81. Bùi Đức Tiến (2014), “Về thoả thuận trong thi hành án dân sự”, *Toà án nhân dân*, (24), tr.43-44.
82. Bùi Đức Tiến (2015), “Một số điểm mới của Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự”, *Toà án nhân dân*, (2), tr.38-41.
83. Nguyễn Thùy Trang (2012), “Hoàn thiện các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án dân sự”, *Nhà nước và pháp luật*, (12), tr.28-32.
84. Cao Thị Kim Trinh (2012), “Cưỡng chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc theo Luật thi hành án dân sự chưa được thực thi trên thực tế”, *Nghề Luật*, (02), tr. 20;
85. Lê Anh Tuấn (2010), “Một số vấn đề về định giá tài sản trong thi hành án dân sự”, *Dân chủ và pháp luật*, (09), tr.45-47.
86. Lương Thanh Tùng (2012), “Bàn về thẩm quyền đề nghị miễn thi hành án khoản tiền phạt theo Bộ luật Hình sự”, *Dân chủ và Pháp luật*, (12), tr.2-5.
87. Trần Thanh Thủy (2012), “Tính cấp thiết và quá trình xây dựng Đề án giải quyết việc thi hành án dân sự tồn đọng”, *Dân chủ và pháp luật*, (6), tr.2-4.
88. Trịnh Văn Tuyên (2010), “Xung quanh việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời về “cấm thế chấp, tặng cho, chuyển dịch tài sản”, *Dân chủ và pháp luật*, (09), tr.16-18.
89. Hoàng Quốc Vận (2010), “Xác minh thi hành án những vấn đề đặt ra”, *Dân chủ và pháp luật*, (03), tr.43-45.
90. Nguyễn Việt, “Vướng mắc liên quan đến quyền sử dụng đất trong thi hành án”, *Dân chủ và pháp luật*, số 09/2010, tr. 19, 29.



91. Trần Thị Hồng Việt (2009), “Quyền yêu cầu và thời hiệu thi hành án”, *Toà án nhân dân*, (14), tr.29-30;
92. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp.
93. Học viện tư pháp, *Giáo trình kỹ năng thi hành án dân sự*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2005.
94. <http://library.hcmulaw.edu.vn/index.php/vi/>;
95. <https://thads.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>.

## **Chuyên đề 2: Tổng quan về pháp luật thi hành án dân sự**

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm của thi hành án dân sự
- 2.2. Căn cứ quy định về pháp luật thi hành án dân sự
- 2.3. Nội dung của quy định về pháp luật thi hành án dân sự
- 2.4. Điều kiện đảm bảo thi hành pháp luật về thi hành án dân sự

### **Tài liệu tham khảo chính:**

#### **A. Văn bản quy phạm pháp luật**

1. Hiến pháp năm 2013;
2. Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015/QH13) ngày 24/11/2015;
3. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (Luật số 63/2014/QH13) ngày 24/11/2014;
4. Luật Thi hành án dân sự (Luật số 26/2008/QH12) ngày 14/11/2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2022;
5. Luật Đấu giá tài sản 2016 (Luật số 01/2016/QH14) ngày 17/11/2016;
6. Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội;
7. Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;
8. Thông tư liên tịch 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 11.8.2016 quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;
9. Thông tư số 02/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự.

#### **B. Tài liệu tham khảo**

10. Hoàng Thế Anh (2015), “Giám sát thi hành án dân sự”, luận án tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội ;
11. Bộ Tư pháp, Công văn số 1568/BTP-BTTP ngày 29/02/2012;
12. Đặng Ngọc Dur (2016), “Kỹ năng kiểm sát việc áp dụng các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, (44), tr.19 – 26 ;
13. Hoàng Thị Thanh Hoa, Hồ Quân Chính, Nguyễn Văn Nghĩa (2019), *Bình luận Luật Thi hành án dân sự*, Nxb Tư pháp;
14. Đỗ Văn Minh (2016), “Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thi hành án dân sự”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
15. Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác thi hành án dân sự số 14/2013/QCLN/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 09 tháng 10 năm 2013 giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

16. Quy chế công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ-VKSTC-V11 ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

17. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), Giáo trình Luật Thi hành án dân sự Việt Nam, Nguyễn Công Bình, Bùi Thị Hiền, Nxb Công an nhân dân ;

18. Viện Kiểm sát tối cao, Công văn số: 478/VKSTC-V11 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc trao đổi với Bộ Tư pháp quan điểm về kiểm sát việc bán đấu giá tài sản thi hành án của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

19. <http://library.hcmulaw.edu.vn/index.php/vi/>;

20. <https://thads.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>.

### **Chuyên đề 3: Pháp luật về thi hành án dân sự so sánh**

3.1. Quy định chung về thi hành án dân sự so sánh

3.2. Pháp luật về thủ tục thi hành án dân sự so sánh

3.3. Pháp luật về cưỡng chế thi hành án dân sự so sánh

3.4. Kinh nghiệm cho Việt Nam về pháp luật thi hành án dân sự đặt trong sự so sánh

#### **Tài liệu tham khảo chính:**

##### **A. Văn bản quy phạm pháp luật**

1. Hiến pháp năm 2013;
2. Bộ luật Dân sự (Luật số 91/2015/QH11) ngày 24/11/2015;
3. Luật Đất đai (Luật số 45/2013/QH13) ngày 29/11/2013;
4. Luật Nhà ở (Luật số 65/2014/QH13) ngày 25/11/2014;
5. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022;
6. Luật Thi hành án dân sự (Luật số 26/2008/QH12) ngày 14/11/2008;
7. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (Luật số 63/2014/QH13) ngày 24/11/2014;
8. Nghị định số 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;
9. Nghị định số 33/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự;
10. Thông tư liên tịch 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 11 tháng 8 năm 2016 quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.

##### **C. Tài liệu tham khảo**

11. Đỗ Văn Kha (2016), “Một số vấn đề cần lưu ý khi kiểm sát việc xử lý đối với tài sản thi hành án là quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, *Tạp chí Kiểm sát*, Số 14 (tháng 7/2016);

12. Đỗ Văn Kha (2019), “Kinh nghiệm kiểm sát thi hành án dân sự khi tài sản của người phải thi hành án gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm”, *Tạp chí Kiểm sát*, Số 23 (tháng 12/2019);
13. Đỗ Văn Minh (2016), *Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thi hành án dân sự*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
14. Nguyễn Thị Phíp (2020), “Kê biên nhà ở của người phải thi hành án – Một số vướng mắc từ thực tiễn và kiến nghị”, *Tạp chí Nghề Luật số 05/2020*;
15. Vũ Trung Thành (2018), “Kỹ năng trực tiếp kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, Số 09 (tháng 5/2018);
16. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Luật thi hành án dân sự Việt Nam*, Chủ biên Nguyễn Công Bình & Bùi Thị Huyền, Nhà xuất bản Công an nhân dân;
17. <http://library.hcmulaw.edu.vn/index.php/vi/>;
18. <https://thads.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>.

## 21. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

## 22. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học <sup>4</sup>	Nội dung	Cách thức thực hiện <sup>5</sup>
1	Lịch sử pháp luật về thi hành án dân sự từ 1945 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2009	Thuyết giảng
2	Lịch sử pháp luật về thi hành án dân sự từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến nay	Thuyết giảng
3	Khái niệm, đặc điểm của thi hành án dân sự	Thuyết giảng
4	Căn cứ quy định về pháp luật thi hành án dân sự	Thuyết trình
5	Nội dung của quy định về pháp luật thi hành án dân sự (Căn cứ, điều kiện ra quyết định thi hành án)	Thuyết giảng
6	Nội dung của quy định về pháp luật thi hành án dân sự (Xác minh điều kiện thi	Thuyết giảng

<sup>4</sup> Các GV phân bổ dung lượng bài học theo buổi học sẽ giảng dạy trên thực tế. 1 TC tương đương 15 tiết tín chỉ, 2 tiết TC là 1 ca học. Do vậy, môn có 1TC sẽ có 8 buổi, môn 2TC có 15 buổi, môn 3TC có 23 buổi.

<sup>5</sup> Tham khảo yêu cầu của Điều 4.3 Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019

1. 100% đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

2. Tất cả đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.



Hình thức	Số lượng	Thời điểm	% điểm số	CLO												
				1	2	3	...	10	11							
Thảo luận nhóm	1	Bài tập lớn khi thảo luận	20													
Thi cuối khóa	1	Cuối khóa	70													

#### 24. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubrics)

Căn cứ vào các phương thức đánh giá trên, bộ công cụ và tiêu chí đánh giá (Rubrics) cho từng phương thức đánh giá trong học phần bao gồm:

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	<b>Dự học trên lớp (50%)</b>	Dự học trên lớp rất đầy đủ: 90-100%	Dự học trên lớp đầy đủ: 75-<90%	Dự học trên lớp khá đầy đủ: 55-<75%	Dự học trên lớp chưa đầy đủ: 40-<55%	Dự học trên lớp quá ít: <40%
<b>Rubric 1: Đánh giá chuyên cần</b>	<b>Đóng góp tại lớp (50%)</b>	Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học rất hiệu quả.	Tham gia đầy đủ các hoạt động trên lớp, các đóng góp liên quan đến bài học là hiệu quả	Tham gia khá đầy đủ các hoạt động trên lớp, một số đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả	Có tham gia các hoạt động trên lớp, một số ít đóng góp liên quan đến bài học có hiệu quả tại lớp	Không tham gia các hoạt động trên lớp, không có đóng góp
	<b>Nộp bài tập (20%)</b>	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
<b>Rubric 2: Đánh giá bài tập</b>	<b>Trình bày bài tập (30%)</b>	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Trình bày đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú)	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Không có bài tập

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>Rubric 3: Đánh giá thuyết trình</b>	<b>Nội dung bài tập (50%)</b>	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; lập luận logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong lập luận, kiến thức.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập
	<b>Nội dung báo cáo (50%)</b>	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video/bản trình chiếu	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng trình chiếu	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; hình ảnh minh họa và giải thích chưa rõ ràng	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu
	<b>Trình bày slide (25%)</b>	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, hợp logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thục trong trình bày	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định
	<b>Thuyết trình (25%)</b>	Phần trình bày rất súc tích, có bố cục rõ ràng; âm giọng rõ	Phần trình bày khá súc tích; sử dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm	Phần trình bày theo bố cục rõ ràng; âm giọng vừa phải, dễ	Phần trình bày đầy đủ; âm giọng thấp, một số từ không rõ;	Phần trình bày không logic; sử dụng từ

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>Rubric 4:</b> <b>Đánh giá báo cáo</b>	<b>Nội dung báo cáo (60%)</b>	ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	nghe; đôi lúc tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	sử dụng từ còn phức tạp; chưa có tương tác; thời gian trình bày chưa đúng quy định	không đúng, âm giọng thấp, không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy định
	<b>Thuyết minh báo cáo (20%)</b>	Có nội dung hoàn toàn phù hợp; cấu trúc logic chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng rất thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	Có nội dung khá phù hợp; cấu trúc logic khá chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng khá thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	Có nội dung và trình tự trình bày phù hợp; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú chưa đầy đủ; còn một số lỗi về trình bày và chính tả; sử dụng được máy tính khi trình bày	Có nội dung phù hợp nhưng trình tự trình bày không hợp lý; hình ảnh, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung; nhiều hạn chế trong việc sử dụng được máy tính	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo cáo
	<b>Biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh</b>	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu	Không có, hoặc biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh



Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	(20%)	câu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú rất hợp lý; thể hiện việc sử dụng thành thạo biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh hợp lý; thể hiện việc sử dụng khá thành thạo công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính;	theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh rõ ràng; sử dụng được công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính; có một số lỗi về chính tả.	câu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không rõ ràng, có chỗ bị thiếu; sử dụng công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính còn nhiều hạn chế	không đáp ứng yêu cầu, không đúng với nội dung báo cáo
	<b>Tô chức nhóm</b> (30%)	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng, phát huy được thế mạnh từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên không cụ thể	Không có nhóm hoặc không làm việc nhóm
	<b>Chuyên cần</b> (20%)	Tham gia 90-100 (%)	Tham gia 75-<90 (%)	Tham gia 55-<75 (%)	Tham gia 40-<55 (%)	<40 (%)
<b>Rubric 5: Đánh giá làm việc nhóm</b>	<b>Thảo luận nhóm</b> (30%)	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận nhóm	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận của nhóm	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận của nhóm	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận nhóm	Không tham gia thảo luận nhóm
	<b>Phối hợp nhóm</b> (20%)	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành viên và với nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Có hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; có chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp nhóm; ít chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	Không hợp tác và phối hợp nhóm



Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	Thành viên					
	Tổ chức nhóm (20%)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	Mỗi thành viên trong nhóm có nhiệm vụ riêng những chưa rõ ràng, chưa thật phù hợp với khả năng của mỗi người; sự phối hợp làm việc chưa thật sự tốt	Trách nhiệm, việc làm của mỗi thành viên nhóm không rõ ràng; không phù hợp với khả năng của mỗi người; chưa có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên	Nhóm bị phá vỡ; các thành viên không được phân công nhiệm vụ; không có liên kết, phối hợp nhóm
	Chuyên cần (10%)	90-100 (%)	75-<90(%)	55-<75(%)	40-<55(%)	<40(%)
<b>Rubric 6:</b> <b>Tham gia các buổi hướng dẫn làm bài tập lớn theo nhóm của giảng viên</b>	Thảo luận (20%)	Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến rất hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Có tham gia thảo luận nhóm; một số ý kiến đóng góp có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm; ít có ý kiến đóng góp trong nhóm	Không tham gia và không thực hiện thảo luận nhóm
	Nội dung theo quy định (20%)	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; sử dụng phần mềm lập luận hợp lý	Đầy đủ 100% nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; có sử dụng phần mềm lập luận nhưng chưa thật hợp lý	Nội dung lập luận đầy đủ theo tiến độ quy định; trình tự lập luận hợp lý; một số kết quả lập luận có sai sót, nhầm lẫn	Nội dung lập luận không đầy đủ (<50%); kết quả lập luận có nhiều sai sót, nhầm lẫn; trình tự các bước lập luận không hợp lý	Không có nội dung lập luận
	Trình bày thuyết minh (15%)	Nội dung rất phù hợp; cấu trúc hợp lý; hình vẽ, bảng biểu, chú thích được trình bày	Nội dung phù hợp; cấu trúc thuyết minh rõ ràng; ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp; tuy nhiên còn một số lỗi chính tả, nhầm lẫn về	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu; ký hiệu	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài và quá nhiều sai sót

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		khoa học; sử dụng phần mềm trong thuyết minh hiệu quả	đầy đủ, ít sai sót	ghi chú, giải thích các kiến thức, thông số, bảng biểu...	được sử dụng trong thuyết minh không phù hợp	
Bản file kết quả (15%)		Thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học; sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo; có thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	Thể hiện đầy đủ, đúng nội dung theo yêu cầu; sắp xếp, trình bày file kết quả hợp lý, đúng thể thức văn bản; ghi chú rõ ràng, chi tiết	Thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu song sắp xếp chưa phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình bày; nội dung file kết quả đúng yêu cầu, ghi chú đầy đủ	Thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng; chi tiết các thành phần, nội dung file kết quả đúng yêu cầu song có nhiều sai sót, chưa đúng về thể thức văn bản; ghi chú không phù hợp	Không có hoặc file kết quả quá sơ sài; nội dung theo yêu cầu không đúng

## 25. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, theo lịch trình đã có Trình bày đầy đủ và căn bản nội dung theo yêu cầu của từng buổi học
Yêu cầu đối với nghiên cứu sinh	Tham gia lớp đúng giờ, làm bài tập và các công việc khác theo yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp	Đầy đủ, đúng giờ quy định
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, không làm việc riêng
Quy định về học vụ	
Các quy định khác	

## 26. Thông tin liên hệ

Bộ môn/Khoa phụ trách:	Bộ môn Luật TTDS – HNGĐ, Khoa Luật Dân sự
Văn phòng:	A202, CS Nguyễn Tất Thành
Điện thoại:	02839400989
Người phụ trách:	TS. Nguyễn Văn Tiến
Email:	nvtien@hcmulaw.edu.vn

## 27. Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy

<b>Giảng viên giảng dạy:</b>	
Tên: Nguyễn Văn Tiến	Học vị: Tiến sĩ
Email: nvtien@hcmulaw.edu.vn	Số điện thoại cơ quan: 02839400989

<b><i>Giảng viên hỗ trợ (trợ giảng):</i></b>	
Tên:	Học vị:
Email:	Số điện thoại cơ quan:
Cách liên lạc với giảng viên:	<b>Trực tiếp hoặc qua email</b>

**NGƯỜI BIÊN SOẠN****TRƯỞNG BỘ MÔN****CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA****Nguyễn Văn Tiến****Lê Vĩnh Châu****Nguyễn Xuân Quang**